

Số: 50 /QĐ-MN10A

Tân Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Trường Mầm Non 10A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 của Khối Giáo dục.

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Trường Mầm Non 10A (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non 10A

Chương: 622

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 50 /QĐ-MN10A ngày 18/11/2021 của Trường Mầm non 10A)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: đồng

Số	Nội dung	Dự toán được giao
TT		
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(30.000.000)
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(30.000.000)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(30.000.000)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Tân bình, ngày 18 tháng 11 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Thủy

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021
của Khối Giáo dục

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân quận Tân Bình về dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021 (giao đoạn tư chủ, tư chịu trách nhiệm về tài chính 2019 - 2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình;

Xét Tờ trình số 151 /TTr-TCKH ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 của Khối Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 của Khối Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo với tổng số tiền là 15.711.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bảy trăm mười một triệu đồng). Cụ thể:

- | | |
|--|-----------------------|
| - Kinh phí hoạt động thường xuyên | : 4.220.000.000 đồng. |
| - Kinh phí hoạt động không thường xuyên | : 4.103.000.000 đồng. |
| - Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương | : 7.388.000.000 đồng. |

(Đính kèm chi tiết)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi Ngân sách Nhà nước được điều chỉnh, bổ sung. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo quân Tân Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TTUB: CT; PCT/VX;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Thành

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
KHỐI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH

(Đính kèm theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND quận Tân Bình)

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Chi tiết điều chỉnh, bổ sung kinh phí				Ghi chú
		Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không	Cải cách tiền lương	Cộng	
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5
I	KHỐI MÀM NON	1.500.000	35.000	-	1.535.000	
1	MN 2	100.000			100.000	
2	MN KD	25.000			25.000	
3	MN 3	(20.000)			(20.000)	
4	MN 4	-			-	
5	MN TSN	300.000			300.000	
6	MN Q	72.000			72.000	
7	MN 5	42.000			42.000	
8	MN 6	-			-	
9	MN 7	46.000			46.000	
10	MN TX	120.000			120.000	
11	MN 8	70.000			70.000	
12	MN 9	(20.000)			(20.000)	
13	MN VH	-			-	
14	MN 10	-			-	
15	MN PH	120.000			120.000	
16	MN 10A	(30.000)			(30.000)	
17	MN 11	-			-	
18	MN 12	40.000			40.000	
19	MN HOA MI	120.000			120.000	
20	MN 13	165.000			165.000	
21	MN 14	30.000			30.000	
22	MN BC	160.000			160.000	
23	MN 15	160.000	35.000		195.000	
II	Khối Tiểu học	2.210.000	2.466.000	152.000	4.828.000	

STT	Tên đơn vị	Chi tiết điều chỉnh, bổ sung kinh phí				Ghi chú
		Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không	Cải cách tiền lương	Cộng	
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5
1	Lê Văn Sĩ	-	60.000		60.000	
2	Tân Sơn Nhất	18.000	10.000		28.000	
3	Nguyễn Thanh Tuyền	(10.000)	37.000		27.000	
4	Thán Nhân Trung	(15.000)	57.000		42.000	
5	Bình Giả	(15.000)	55.000		40.000	
6	Hoàng Văn Thụ	(40.000)	121.000		81.000	
7	Phạm Văn Hai	90.000	50.000		140.000	
8	Bạch Đằng	80.000	-		80.000	
9	Chi Lăng	114.000	40.000		154.000	
10	Đồng Đa	104.000	42.000		146.000	
11	Bành Văn Trân	3.000	323.000		326.000	
12	Trần Văn Ôn	300.000	113.000		413.000	
13	Ngọc Hồi	(10.000)	111.000		101.000	
14	Phú Thọ Hòa	110.000	40.000		150.000	
15	Lê Thị Hồng Gấm	-	75.000		75.000	
16	Nguyễn Văn Trỗi	210.000	84.000		294.000	
17	Lạc Long Quân	50.000	161.000		211.000	
18	CMT8	25.000	-		25.000	
19	Nguyễn Khuyến	166.000	200.000		366.000	
20	Trần Quốc Tuấn	-	97.000		97.000	
21	Yên Thế	80.000	135.000		215.000	
22	Sơn Càng	60.000	47.000		107.000	
23	Trần Quốc Toàn	90.000	2.000		92.000	
24	Tân Tru	180.000	170.000		350.000	
25	Nguyễn Văn Kịp	100.000	25.000		125.000	
26	Phan Huy Ích	520.000	411.000	152.000	1.083.000	
III	Khối THCS	510.000	1.602.000	7.236.000	9.348.000	
1	Ngô Sĩ Liên	114.000	-	500.000	614.000	
2	Ấu Lạc	8.000	2.000		10.000	
3	Trần Văn Đang	182.000	160.000		342.000	
4	Nguyễn Gia Thiều	(12.000)	30.000	1.100.000	1.118.000	
5	Tân Bình	60.000	518.000	2.400.000	2.978.000	

STT	Tên đơn vị	Chi tiết điều chỉnh, bổ sung kinh phí				Ghi chú
		Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không	Cải cách tiền lương	Cộng	
4	B	1	2	3	4=1-2+3	5
6	Quang Trung	66.000	31.000	1.500.000	1.597.000	
7	Lý Thường Kiệt	59.000	136.000	-	195.000	
8	Võ Văn Tấn	(109.000)	156.000	1.100.000	1.147.000	
9	Phạm Ngọc Thạch	(111.000)	61.000		(50.000)	
10	Ngô Quyền	140.000	433.000		573.000	
11	Trương Chinh	30.000	17.000	636.000	683.000	
12	Hoàng Hoa Thám	17.000	1.000		18.000	
13	Trần Văn Quang	66.000	57.000	-	123.000	
	Tổng cộng (I+II+III)	4.220.000	4.103.000	7.388.000	15.711.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

